

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Trần Xươngne.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Cửu G, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ Số *, ấp C, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay Số *, Đường Số *, Khu phố *, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn S, tên gọi khác S A, sinh năm 1976, địa chỉ Số *, ấp C, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2001, bà Trần Ngọc Cửu G và ông Hồ Văn S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, ngày 09/5/2001. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên là Hồ Thị Tú X, sinh ngày 19/12/1999, đã trưởng thành, và Hồ Thanh N, sinh ngày 15/10/2004, hiện đang sống với bà G.

Do vợ chồng không cùng quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi nhau kéo dài, đến cuối năm 2012 đã chia tay và sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tồn tại được.

*Nay bà G yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn S;
- Về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Hồ Thanh N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Còn cháu Hồ Thị Tú X đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Đã tự thoả thuận phân chia, nên không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, **nên cũng không yêu cầu giải quyết.**

*Tại văn bản ghi ý kiến của ông Hồ Văn S ngày 21/3/2018, thể hiện: ông đồng ý ly hôn với bà Trần Ngọc Cửu G, về con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng và ông cũng yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt ông.

*Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Văn S vắng mặt nhưng có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Bà Trần Ngọc Cửu G và ông Hồ Văn S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân, bà G và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm và thường

xuyên cãi nhau, dẫn đến **vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay**. Đến thời điểm này, cả bà G và ông S cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa cả hai người cũng đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

- Về con chung:

[4] **Trong thời kỳ hôn nhân**, bà G và ông S **có 02 người con chung** tên là Hồ Thị Tú X, sinh ngày 19/12/1999, đã trưởng thành, và Hồ Thanh N, sinh ngày 15/10/2004, **bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã**.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ, người con này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, giao cháu Hồ Thanh N, sinh ngày 15/10/2004 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông S, không ai được ngăn cản. Còn cháu Hồ Thị Tú X đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[7] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà G đối với ông S.

[8] **Về tài sản chung:** Đã tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Không có, **nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết**.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bà G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, theo như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc Cửu G được ly hôn với ông Hồ Văn S (S A).

2) Về con chung: Bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thanh N, sinh ngày 15/10/2004 đến tuổi trưởng thành, ông S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Còn người con chung còn lại là Hồ Thị Tú X, sinh ngày 19/12/1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà G đối với ông S.

4) **Về tài sản chung:** Đã tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Về nợ chung: Không có, **nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

6) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009489, ngày 02/01/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, bà G đã nộp xong án phí sơ thẩm.

7) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

8) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- *Lưu HSVA.*

Trần Vinh Thắng